

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/8/2017.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Em.

2/ Ông Trần Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn N - Sinh năm: 1978. Nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Hồng K - Sinh năm: 1978. Nơi đăng ký HKTT: Đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2017, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Huỳnh Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Hồng K kết hôn vào năm 2012 và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/12/2012, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hay lừa dối. Anh chị chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu

thuần, mà nguyên nhân là do chị K ghi số đề, anh có khuyên răn nhưng không được, và do cha mẹ của anh đã già nhưng chị K không đồng ý cùng anh về sống chung và chăm sóc cho cha mẹ. Mặc dù, vẫn sống chung một nhà nhưng kể từ đầu năm 2016 thì giữa anh chị mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Kể từ tháng 3 năm 2017 đến nay thì mỗi người sống mỗi nơi và không thể nào đoàn tụ được. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị K, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị K có một người con chung là Huỳnh Khánh V - Sinh ngày 17/5/2013, hiện đang sống chung với chị K. Khi ly hôn, anh N đồng ý để chị K được quyền nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ khi Tòa án sơ thẩm giải quyết xong vụ án cho đến khi người con chung tròn mười tám tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh N cho rằng anh và chị K không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Ngô Thị Hồng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K đồng ý với lời trình bày của anh N về thời gian kết hôn, việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Chị và anh N chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình còn khó khăn, anh N lại không cùng chị chăm lo cho gia đình, chị không có thời gian để chăm sóc cha mẹ chồng nên từ đó giữa vợ chồng phát sinh tranh chấp. Trước đây chị có ghi số đề nhưng chị đã từ bỏ việc này cách nay khoảng hai năm. Mặc dù vẫn đang sống ly thân, nhưng chị K cho rằng chị vẫn còn thương chồng, hiện nay kinh tế gia đình bớt khó khăn, chị có thời gian để chăm sóc con và cha mẹ chồng nên chị không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết chị và anh N phải ly hôn thì chị không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị K đồng ý với lời trình bày của anh N về việc anh chị có một người con chung là Huỳnh Khánh V - Sinh ngày 17/5/2013, hiện đang sống chung với chị. Trường hợp Tòa án giải quyết chị và anh N ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ khi Tòa án sơ thẩm giải quyết xong vụ án cho đến khi người con chung tròn mười tám tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị K cho rằng chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn N đối với chị Ngô Thị Hồng K. Về con chung: Giao cho chị K được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung của anh chị là Huỳnh Khánh V - Sinh ngày 17/5/2013; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ ngày tuyên án cho đến khi người con tròn mười tám tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* với chị Ngô Thị Hồng K có địa chỉ tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là chị Ngô Thị Hồng K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xử vắng mặt chị K là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh N với chị K là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, hay lừa dối và phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, anh N cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn nhưng chị K không đồng ý ly hôn. Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy lời trình bày của anh N về nguyên nhân phát sinh tranh chấp cũng như về thời gian anh chị sống ly thân là thực tế có xảy ra. Xét thấy, giữa anh N và chị K đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2016, từ đó giữa anh chị mạnh ai nấy sống mà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống, và cho đến hiện nay anh chị vẫn đang sống ly thân mà không thể đoàn tụ được từ

đó cho thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh N, chị K không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung: Anh N và chị K có một người con chung là Huỳnh Khánh V - Sinh ngày 17/5/2013, hiện đang sống chung với chị K. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ ngày tòa án sơ thẩm giải quyết xong vụ án cho đến khi người con tròn mười tám tuổi nếu như Tòa án giải quyết chị và anh N phải ly hôn. Anh N đồng ý với yêu cầu về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nêu trên của chị K. Vì vậy, giao cho chị K được quyền nuôi con, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con tròn mười tám tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh N, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn N được ly hôn với chị Ngô Thị Hồng K. Anh Huỳnh Văn N, chị Ngô Thị Hồng K không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/ Về nuôi con chung:

Chị Ngô Thị Hồng K được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Huỳnh Văn N là Huỳnh Khánh V - Sinh ngày 17/5/2013 (hiện đang sống chung với chị K).

Anh Huỳnh Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/8/2017) cho đến khi người con tròn mười tám tuổi.

Anh Huỳnh Văn N có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Vì lợi ích của con chung, anh Huỳnh Văn N, chị Ngô Thị Hồng K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Huỳnh Văn N, chị Ngô Thị Hồng K có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh N, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010061 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh Huỳnh Văn N còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Anh Huỳnh Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Ngô Thị Hồng K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con tại bản án này được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên